



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BÁNH MỨT KẸO HÀ NỘI**  
HANOI CONFECTIONERY JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 25/2021/CBTT-BKH

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HN**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao Chứng khoán Hà Nội

**Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO HÀ NỘI**

**Mã Chứng khoán : BKH**

**Trụ sở chính : Số 54A phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**

**Điện thoại : 024 3384 3636**

**Fax : 024 3384 3994**

**Người thực hiện công bố thông tin: Lê Thị Mai Phương**

**Điện thoại : 0948459339**

**Loại thông tin công bố:**  Định kỳ  Bất thường  24h  Theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:** Công ty cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội công bố Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

Đồng thời Công ty cũng thực hiện công bố thông tin này tại địa chỉ:

**<https://www.banhmutkeohanoi.com.vn>**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- SGDCCKHN
- Website công ty;
- Lưu TC-HC

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính năm 2020 của CTCP Bánh Mứt Kẹo Hà Nội

**Người được ủy quyền công bố thông tin**



**Lê Thị Mai Phương**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MÚT KẸO HÀ NỘI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Trần Đức Nam	Thành viên
Ông Lê Văn Đạt	Thành viên
Bà Dương Ngọc Tuyết	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Xuân Thu	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Thanh Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Vương Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau

Ông Trần Thanh Sơn	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Trần Thanh Sơn**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Số: 133 /VACO/BCKiT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25/3/2021, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 1 phần Thuyết minh báo cáo tài chính: Công ty có 2 chi nhánh hạch toán độc lập là Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Trung tâm PACCO (sau đây gọi tắt là “Trung tâm PACCO”) và Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh (sau đây gọi tắt là “Khách sạn Việt Linh”).

- Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty không cộng hợp số liệu của Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Trung tâm PACCO do Chi nhánh này đang hoàn tất các thủ tục giải thể.
- Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính năm 2020 của Khách sạn Việt Linh, do đó, Công ty chưa cộng hợp số liệu báo cáo tài chính của Chi nhánh này.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Bùi Ngọc Bình**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0657-2018-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021

**Đặng Thị Minh Hạnh**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 3290-2020-156-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2020


Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>44.006.100.174</b>	<b>56.764.389.565</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>10.350.209.554</b>	<b>10.573.514.545</b>
1. Tiền	111		1.350.209.554	7.573.514.545
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	3.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>10.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	10.000.000.000	15.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.629.227.163</b>	<b>3.676.182.939</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	6.068.686.157	4.758.638.971
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		598.514.060	828.924.520
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.216.158.711	3.229.877.404
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(6.254.131.765)	(5.141.257.956)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>15.914.590.535</b>	<b>25.121.915.921</b>
1. Hàng tồn kho	141		15.914.590.535	25.121.915.921
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.112.072.922</b>	<b>2.392.776.160</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	1.102.850.169	1.197.365.351
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		900.580.060	753.631.439
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	10	1.108.642.693	441.779.370
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>32.796.404.570</b>	<b>30.259.157.491</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.560.000</b>	<b>10.560.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	10.560.000	10.560.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>16.775.387.308</b>	<b>18.934.563.073</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	16.775.387.308	18.934.563.073
- Nguyên giá	222		66.654.281.623	65.986.281.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.878.894.315)	(47.051.718.550)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.385.256.770</b>	<b>385.256.770</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	12	600.000.000	600.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(214.743.230)	(214.743.230)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	5.000.000.000	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.625.200.492</b>	<b>10.928.777.648</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	10.625.200.492	10.928.777.648
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>76.802.504.744</b>	<b>87.023.547.056</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>27.886.771.028</b>	<b>37.033.162.806</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20.523.135.035</b>	<b>29.260.435.904</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	9.591.610.118	11.155.171.711
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		245.359.617	5.263.322.943
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	1.470.063.549	822.038.957
4. Phải trả người lao động	314		1.409.906.026	5.993.471.375
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	71.760.000	1.850.954.101
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	409.090.909	409.090.909
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.833.795.078	1.771.973.214
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	5.193.283.344	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	1.510.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		298.266.394	484.412.694
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.363.635.993</b>	<b>7.772.726.902</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	7.363.635.993	7.772.726.902
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>48.915.733.716</b>	<b>49.990.384.250</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>48.915.733.716</b>	<b>49.990.384.250</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		17.500.000.000	17.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		17.500.000.000	17.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.581.227.440	13.581.227.440
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.834.506.276	18.909.156.810
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		13.185.750.845	12.875.437.506
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.648.755.431	6.033.719.304
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>76.802.504.744</b>	<b>87.023.547.056</b>

  
Nguyễn Thị Năm  
Người lập biểu

  
Nguyễn Ngọc Tuấn  
Kế toán trưởng

  
Trần Thanh Sơn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		106.121.588.276	120.529.158.708
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		174.436.288	184.545.836
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	20	105.947.151.988	120.344.612.872
4. Giá vốn hàng bán	11	21	67.127.949.686	75.766.519.912
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		38.819.202.302	44.578.092.960
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.483.618.050	1.773.580.464
7. Chi phí tài chính	22	24	165.914.479	63.787.050
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		165.914.479	63.787.050
8. Chi phí bán hàng	25	25	19.476.521.396	20.038.431.987
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	15.150.011.105	17.166.357.635
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25+ 26)}	30		5.510.373.372	9.083.096.752
11. Thu nhập khác	31		9.184.309	194.633
12. Chi phí khác	32		71.349.307	1.194.520.753
13. Lãi khác (40 = 31 - 32)	40		(62.164.998)	(1.194.326.120)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.448.208.374	7.888.770.632
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	799.452.943	1.855.051.328
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		4.648.755.431	6.033.719.304
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	2.524	3.103

  
Nguyễn Thị Năm  
Người lập biểu

  
Nguyễn Ngọc Tuấn  
Kế toán trưởng




Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	109.636.163.717	136.700.986.636
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(69.348.302.144)	(88.898.109.529)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(27.664.363.922)	(28.563.802.553)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(158.843.077)	(63.787.050)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.055.051.328)	(3.935.340.698)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.469.532.499	2.421.435.217
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(15.426.222.019)	(11.345.895.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(547.086.274)</b>	<b>6.315.486.773</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(734.800.000)	(347.470.909)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	(15.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.109.160.939	1.162.071.925
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>374.360.939</b>	<b>(14.185.398.984)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	6.476.542.103	7.115.295.029
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.283.258.759)	(7.115.295.029)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.243.863.000)	(6.859.650.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(50.579.656)</b>	<b>(6.859.650.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(223.304.991)</b>	<b>(14.729.562.211)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>10.573.514.545</b>	<b>25.303.076.756</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>10.350.209.554</b>	<b>10.573.514.545</b>

  
Nguyễn Thị Năm  
Người lập biểu

  
Nguyễn Ngọc Tuấn  
Kế toán trưởng

  
Trần Thanh Sơn  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103601, đăng ký lần đầu ngày 10/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20/08/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Số 54A, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 186 người (tại ngày 31/12/2019 là 187 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất ca cao, socola và mứt kẹo;
- Sản xuất các món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Kinh doanh các loại bánh, mứt, kẹo;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Các ngành nghề khác.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc Công ty**

*Danh sách công ty liên kết:*

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao	28 Hàng Ngang, P. Hàng Đào, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	20%	20%	20%

*Danh sách các chi nhánh/địa điểm kinh doanh của Công ty*

Chi nhánh/Địa điểm kinh doanh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Trung tâm PACCO (i)	28 Hàng Ngang, P. Hàng Đào, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh (i)	Số 3B, Phố Chả Cá, P. Hàng Đào, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Nhà máy Sản xuất Bánh mứt kẹo (ii)	Lô CN5, Khu Công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, X. Phùng Xá, H. Thạch Thất, Hà Nội
Cửa hàng Bán và Giới thiệu sản phẩm - Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội (ii)	Số 1, ngách 18/10 Huỳnh Thúc Kháng, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội
Cửa hàng Bán và Giới thiệu sản phẩm - Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội (ii)	Số 10, phố Quán Thánh, P. Quán Thánh, Q. Ba Đình, Hà Nội
Cửa hàng Bán và Giới thiệu sản phẩm - Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội (ii)	Nhà liền kề E1, số 15 ngõ 91 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội

**Ghi chú:**

(i) Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Trung tâm PACCO đang hoàn tất các thủ tục để giải thể. Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Trung tâm PACCO và Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo - Khách sạn Việt Linh là các đơn vị hạch toán độc lập.

(ii) Là các đơn vị hạch toán phụ thuộc.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm tiền thuê đất trả một lần và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí trả trước là tiền thuê đất trả một lần được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian thuê đất.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Điều lệ của Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	368.553.985	384.464.970
Tiền gửi ngân hàng	981.655.569	7.189.049.575
Các khoản tương đương tiền	9.000.000.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>10.350.209.554</u></b>	<b><u>10.573.514.545</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	10.000.000.000	10.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-

Ghi chú:

- (i) Khoản tiền gửi theo các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương với kỳ hạn 12 tháng là tài sản đảm bảo cho hợp đồng cho vay như trình bày tại thuyết minh số 17 - Phần Thuyết minh báo cáo tài chính.
- (ii) Khoản tiền gửi theo Hợp đồng số 057200319001/2019/VIB-BMKHN tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam có kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 20/03/2019 đến ngày 20/03/2022.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	<b>6.068.686.157</b>	<b>4.758.638.971</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh	1.851.004.108	385.168.847
Công ty TNHH SX & TM Đại Hoàng Nam	1.277.373.145	1.277.373.145
Công ty TNHH Thực phẩm Cavico	624.661.152	482.497.413
Đối tượng khác	2.315.647.752	2.613.599.566

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4.216.158.711</b>	<b>1.517.825.372</b>	<b>3.229.877.404</b>	<b>1.468.473.834</b>
Cầm cố, ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	10.000.000	-
Tạm ứng	78.480.000	-	203.500.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	4.132.678.711	1.517.825.372	3.016.377.404	1.468.473.834
- Tiền thuê đất (i)	2.670.647.376	1.517.825.372	1.883.345.720	1.468.473.834
- Lãi dự thu	1.358.435.516	-	983.978.405	-
- Phải thu khác	103.595.819	-	149.053.279	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>10.560.000</b>	-	<b>10.560.000</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	10.560.000	-	10.560.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.226.718.711</b>	<b>1.517.825.372</b>	<b>3.240.437.404</b>	<b>1.468.473.834</b>

Ghi chú:

- (i) Tiền thuê đất phải thu của các chi nhánh và các cửa hàng của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH SX &TM Đại Hoàng Nam	1.277.373.145	-	1.277.373.145	-
Đào Hồng Thanh	468.912.632	-	468.912.632	-
Nguyễn Gia Điệp	422.879.976	-	422.879.976	-
Công ty TNHH Thương mại Thăng Hà	348.194.881	-	348.194.881	-
Công ty TNHH Tuấn Thu	306.230.883	-	306.230.883	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh	4.236.201.666	1.389.974.774	2.186.525.461	453.172.378
Các đối tượng khác	584.313.356	-	584.313.356	-
<b>Cộng</b>	<b>7.644.106.539</b>	<b>1.389.974.774</b>	<b>5.594.430.334</b>	<b>453.172.378</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.071.094.603	-	10.243.214.260	-
Công cụ, dụng cụ	315.447.908	-	11.763.636	-
Thành phẩm	1.071.402.897	-	10.719.662.866	-
Hàng hóa	4.233.089.340	-	3.662.609.319	-
Hàng gửi bán	223.555.787	-	484.665.840	-
<b>Cộng</b>	<b>15.914.590.535</b>	<b>-</b>	<b>25.121.915.921</b>	<b>-</b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT hàng nội địa	-	6.447.451.025	6.447.451.025	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	799.452.943	799.452.943	-
Thuế thu nhập cá nhân	32.227.745	841.368.663	847.354.813	26.241.595
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	460.675.868	1.250.747.090	757.766.042	953.656.916
Các loại thuế khác	329.135.344	167.529.694	6.500.000	490.165.038
<b>Cộng</b>	<b>822.038.957</b>	<b>9.506.549.415</b>	<b>8.858.524.823</b>	<b>1.470.063.549</b>

	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	248.660.450	411.264.938	-	659.925.388
Thuế thu nhập doanh nghiệp	193.118.920	255.598.385	-	448.717.305
<b>Cộng</b>	<b>441.779.370</b>	<b>666.863.323</b>	<b>-</b>	<b>1.108.642.693</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	38.334.818.388	19.436.859.458	7.536.119.224	678.484.553	65.986.281.623
Mua trong năm	-	668.000.000	-	-	668.000.000
Số dư cuối năm	38.334.818.388	20.104.859.458	7.536.119.224	678.484.553	66.654.281.623
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	20.717.009.408	18.730.737.884	6.998.092.359	605.878.899	47.051.718.550
Khấu hao trong năm	2.339.120.081	316.538.736	138.642.312	32.874.636	2.827.175.765
Số dư cuối năm	23.056.129.489	19.047.276.620	7.136.734.671	638.753.535	49.878.894.315
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư đầu năm	17.617.808.980	706.121.574	538.026.865	72.605.654	18.934.563.073
Số dư cuối năm	15.278.688.899	1.057.582.838	399.384.553	39.731.018	16.775.387.308

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 28.754.634.361 VND (tại ngày 31/12/2019 là 26.440.995.309 VND).

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao	600.000.000	(214.743.230)	600.000.000	(214.743.230)

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm ngày 31/12/2020 là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2611/HDHTKD ngày 26/11/2015, tỷ lệ vốn góp là 20%. Công ty chịu trách nhiệm hỗ trợ các thủ tục pháp lý cần thiết liên quan đến hoạt động kinh doanh của pháp nhân mới, trợ giúp các thủ tục để pháp nhân mới trực tiếp ký hợp đồng thuê trụ sở với cơ quan, tổ chức hữu quan theo quy định của pháp luật và hợp đồng thuê nhà đất hiện hành, được hưởng 20% lợi nhuận sau thuế và được quyền thoái toàn bộ vốn góp nêu trên tại bất kỳ thời điểm nào mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của pháp nhân mới.

Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao nên chưa đánh giá và trích lập bổ sung (nếu có) dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty này. Số dự phòng đã trích lập là dựa trên báo cáo tài chính chưa được kiểm toán năm 2018 của Công ty này.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý tại ngày cuối năm do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.102.850.169</b>	<b>1.197.365.351</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	950.247.502	967.388.351
Tiền thuê nhà	152.602.667	229.977.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>10.625.200.492</b>	<b>10.928.777.648</b>
Tiền thuê đất (i)	10.625.200.492	10.928.777.648

Ghi chú:

- (i) Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê trả một lần với diện tích 23.390 m<sup>2</sup> đất thuê lại từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hà Tây để xây dựng nhà máy sản xuất ở Lô CN5, Khu Công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, Xã Phùng Xá, Huyện Thạch Thất, Hà Nội theo Hợp đồng thuê lại đất số 09/HDTLD-HT ngày 28/09/2007 và phục lục số 01 ngày 30/9/2010, thời gian thuê từ ngày 30/01/2008 đến ngày 13/01/2056. Đơn giá thuê đất đã có cơ sở hạ tầng là 650.000 đồng/m<sup>2</sup> áp dụng cho suốt thời gian thuê, tổng số tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê là 15.203.500.000 VND.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Quản lý & Phát triển Nhà Hà Nội	3.086.989.810	3.086.989.810	2.775.796.357	2.775.796.357
Công ty TNHH TM & BB Quốc Anh	724.043.930	724.043.930	1.019.070.532	1.019.070.532
Đối tượng khác	5.780.576.378	5.780.576.378	7.360.304.822	7.360.304.822
<b>Cộng</b>	<b>9.591.610.118</b>	<b>9.591.610.118</b>	<b>11.155.171.711</b>	<b>11.155.171.711</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí du lịch	-	935.000.000
Chi phí xử lý rác thải	71.760.000	125.994.000
Tiền thuê đất	-	489.678.156
Chi phí trích trước khác	-	300.281.945
<b>Cộng</b>	<b>71.760.000</b>	<b>1.850.954.101</b>

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	612.607.470	667.354.252
Tiền thuê đất (i)	1.021.081.548	919.357.706
Tiền cổ tức	6.137.000	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	84.000.000	180.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	109.969.060	5.261.256
<b>Cộng</b>	<b>1.833.795.078</b>	<b>1.771.973.214</b>

Ghi chú:

- (i) Tiền thuê đất là khoản chênh lệch tiền thuê đất theo đơn giá cũ và đơn giá mới đã thu bằng tiền của các cửa hàng kinh doanh nhưng chưa xác định phải nộp. Công ty đang trong quá trình làm việc với cơ quan chức năng về đơn giá thuê đất này. Khi có quyết định cuối cùng của các cơ quan chức năng, Công ty sẽ có điều chỉnh cần thiết đối với các khoản tiền thuê đất và thuê nhà đã nhận và thu bổ sung để nộp (nếu có) từ các cửa hàng kinh doanh khác và các điều chỉnh vào chi phí của Công ty (nếu có).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>a) Vay ngắn hạn</i>	<b>5.193.283.344</b>	<b>5.193.283.344</b>	<b>1.283.258.759</b>	<b>6.476.542.103</b>	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương (i)	5.193.283.344	5.193.283.344	1.283.258.759	6.476.542.103	-	-

**Ghi chú:**

- (i) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HDDCVHMHCT128-BMK ngày 07/08/2020 với hạn mức vay là 10.000.000.000 VND từ ngày 07/08/2020 đến ngày 30/07/2021, thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ, nhưng không quá 6 tháng. Mục đích cho vay để sử dụng vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các loại bánh, kẹo... Lãi suất thay đổi theo giấy nhận nợ, điều chỉnh một tháng một lần. Tài sản đảm bảo là các Hợp đồng tiền gửi do Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương phát hành có kỳ hạn 12 tháng trị giá 10.000.000.000 VND.

**18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>409.090.909</b>	<b>409.090.909</b>
Doanh thu cho thuê nhà	409.090.909	409.090.909
<b>b) Dài hạn</b>	<b>7.363.635.993</b>	<b>7.772.726.902</b>
Doanh thu cho thuê nhà	7.363.635.993	7.772.726.902

**Ghi chú:**

Là số tiền thu theo Hợp đồng thuê nhà số 178/HĐKT ngày 01/11/2007, Phụ lục Hợp đồng ngày 29/10/2010 và Phụ lục số 2 ngày 22/02/2012 và Hợp đồng thuê nhà ngày 27/4/2012 giữa Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội và Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Thủ đô về việc cho thuê toàn bộ khu nhà 36 Bát Đàn và 82 Hàng Gà trên lô đất có diện tích 294,62 m<sup>2</sup> để Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Thủ Đô sẽ cải tạo, xây dựng và nâng cấp tòa nhà thành một tòa nhà cao cấp phục vụ mục đích kinh doanh tổng hợp, cho thuê văn phòng; Thời hạn cho thuê là 40 năm tính từ ngày 01/01/2010; Giá thuê bao gồm thuế GTGT là 450 triệu đồng/năm; Thanh toán tiền thuê 5 năm đầu trong vòng 30 ngày kể từ ngày căn nhà được bàn giao; Trả trước ngay một lần trong năm 2012 tiền thuê trong thời hạn 25 năm tiếp theo và được miễn tiền thuê trong thời hạn 10 năm sau cùng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>17.500.000.000</b>	<b>13.581.227.440</b>	<b>19.861.397.749</b>	<b>50.942.625.189</b>
Lãi trong năm	-	-	6.033.719.304	6.033.719.304
Phân phối lợi nhuận	-	-	(6.985.960.243)	(6.985.960.243)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>17.500.000.000</b>	<b>13.581.227.440</b>	<b>18.909.156.810</b>	<b>49.990.384.250</b>
Lãi trong năm	-	-	4.648.755.431	4.648.755.431
Phân phối lợi nhuận	-	-	(5.723.405.965)	(5.723.405.965)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>17.500.000.000</b>	<b>13.581.227.440</b>	<b>17.834.506.276</b>	<b>48.915.733.716</b>

Ghi chú:

- (i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 16/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/06/2020. Theo đó, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi; trích quỹ thưởng Ban Điều hành; chia cổ tức với số tiền lần lượt là 301.685.965 VND; 171.720.000 VND và 5.250.000.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty là 17.500.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2020, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

**Cổ phiếu**

	Năm nay Cổ phần	Năm trước Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.750.000	1.750.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.750.000	1.750.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.750.000	1.750.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.750.000	1.750.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.750.000	1.750.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng)	10.000	10.000

**20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>106.121.588.276</b>	<b>120.529.158.708</b>
Doanh thu bán sản phẩm	103.081.524.751	117.794.793.608
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.040.063.525	2.734.365.100
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>174.436.288</b>	<b>184.545.836</b>
Trong đó		
- Hàng bán bị trả lại	174.436.288	184.545.836
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>105.947.151.988</b>	<b>120.344.612.872</b>
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	230.610.495	184.329.133
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Việt Hà	2.696.820	13.880.475

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	65.944.369.121	74.595.589.606
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.183.580.565	1.170.930.306
<b>Cộng</b>	<b><u>67.127.949.686</u></b>	<b><u>75.766.519.912</u></b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.349.192.908	58.558.780.853
Chi phí nhân công	25.646.240.706	32.098.478.218
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.827.175.765	2.881.847.705
Chi phí dự phòng	357.873.809	54.435.173
Thuế phí, lệ phí	529.355.907	196.734.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.601.507.466	5.794.373.612
Chi phí khác bằng tiền	18.541.674.678	23.561.860.292
<b>Cộng</b>	<b><u>95.853.021.239</u></b>	<b><u>123.146.510.474</u></b>

**23. DOANH THU TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.483.618.050	1.773.580.464
<b>Cộng</b>	<b><u>1.483.618.050</u></b>	<b><u>1.773.580.464</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	165.914.479	63.787.050
<b>Cộng</b>	<b><u>165.914.479</u></b>	<b><u>63.787.050</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhiên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.114.711.580	1.059.026.818
Chi phí hoa hồng, quảng cáo, vận chuyển	12.538.580.386	12.472.045.930
Chi phí nhân công	2.676.109.114	2.882.926.166
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.678.016	30.077.124
Chi phí dịch vụ mua ngoài	548.416.729	735.805.285
Chi phí bằng tiền khác	2.578.025.571	2.858.550.664
<b>Cộng</b>	<b><u>19.476.521.396</u></b>	<b><u>20.038.431.987</u></b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhiên liệu, vật liệu, đồ dùng	576.590.750	748.547.828
Chi phí nhân công	8.496.681.007	10.023.629.534
Chi phí khấu hao TSCĐ	150.838.932	165.750.995
Chi phí dự phòng	357.873.809	54.435.173
Thuế, phí, lệ phí	122.360.968	121.079.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.479.764.105	1.532.483.706
Chi phí bằng tiền khác	3.965.901.534	4.520.431.172
<b>Cộng</b>	<b><u>15.150.011.105</u></b>	<b><u>17.166.357.635</u></b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>5.448.208.374</b>	<b>7.888.770.632</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	262.169.796	1.386.486.006
- Cộng: Chi phí không được trừ	262.169.796	1.386.486.006
<i>Thù lao Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành</i>	192.000.000	192.000.000
<i>Truy thu thuế</i>	-	1.086.663.104
<i>Phạt chậm nộp thuế đất</i>	70.169.796	107.822.902
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>5.710.378.170</b>	<b>9.275.256.638</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>5.710.378.170</b>	<b>9.275.256.638</b>
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo thuế suất thông thường	1.142.075.634	1.855.051.328
Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi giảm 30% (i)	342.622.691	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>799.452.943</u></b>	<b><u>1.855.051.328</u></b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Trong năm, Công ty đang tạm xác định phần chi phí không hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số liệu cuối cùng phụ thuộc vào cơ quan thuế có thẩm quyền.

Ghi chú:

- (i) Công ty đang tự xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trong năm 2020 là 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.648.755.431	6.033.719.304
Điều chỉnh giảm lợi nhuận do dự kiến quỹ khen thưởng, phúc lợi	(232.437.772)	(603.371.930)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông phổ thông	4.416.317.659	5.430.347.374
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	1.750.000	1.750.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.524	3.103
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

**28. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Công ty giao quyền kinh doanh độc lập cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Trung tâm PACCO và Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh. Các chi nhánh này tự chịu trách nhiệm nộp các nghĩa vụ thuế cho Ngân sách Nhà nước. Đến thời điểm này, Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Trung tâm PACCO đang hoàn tất các thủ tục giải thể. Công ty chưa cộng hợp các số liệu của hai chi nhánh trong báo cáo tài chính của Công ty. Công ty có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế và pháp lý liên quan đến hai chi nhánh này.

Từ năm 2018, Công ty hạch toán tiền thuê đất vào giá vốn theo đơn giá cũ Công ty ký hợp đồng với các cơ quan chức năng. Đồng thời, tại một số địa điểm kinh doanh, chi nhánh khác của Công ty cũng có sự chênh lệch về tiền thuê đất và thuê nhà theo đơn giá mới. Công ty đang làm việc với các cơ quan chức năng về các đơn giá tiền thuê đất và thuê nhà này. Khi có quyết định cuối cùng của các cơ quan chức năng, Công ty sẽ có các điều chỉnh cần thiết đối với các khoản tiền thuê đất và thuê nhà đã nhận và thu bổ sung để nộp (nếu có) từ các cửa hàng kinh doanh khác và các điều chỉnh vào chi phí của Công ty (nếu có). Đến ngày lập báo cáo này, chưa có quyết định cuối cùng của cơ quan chức năng về đơn giá thuê này.

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	5.193.283.344	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	10.350.209.554	10.573.514.545
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>48.915.733.716</u>	<u>49.990.384.250</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<u>-</u>	<u>-</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.350.209.554	10.573.514.545
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.629.227.163	3.676.182.939
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000.000.000	15.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	5.385.256.770	385.256.770
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.364.693.487</b>	<b>29.634.954.254</b>
	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Công nợ tài chính</b>		
Vay và nợ	5.193.283.344	-
Phải trả người bán, phải trả khác	11.425.405.196	12.927.144.925
Chi phí phải trả	71.760.000	1.850.954.101
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.690.448.540</b>	<b>14.778.099.026</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.350.209.554	-	-	10.350.209.554
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.618.667.163	-	10.560.000	4.629.227.163
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	5.000.000.000	385.256.770	5.385.256.770
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.968.876.717</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>395.816.770</b>	<b>30.364.693.487</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	11.425.405.196	-	-	11.425.405.196
Chi phí phải trả	71.760.000	-	-	71.760.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.497.165.196</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.497.165.196</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>13.471.711.521</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>395.816.770</b>	<b>18.867.528.291</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm ngày 31/12/2020 ở mức thấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	Công ty mẹ
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	Cùng công ty mẹ

**Giao dịch chủ yếu với bên liên quan trong năm:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>		
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	230.610.495	184.329.133
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Việt Hà	2.696.820	13.880.475
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	118.405.987	148.031.534
<b>Trả cổ tức</b>		
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	2.677.500.000	3.213.000.000


**Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:**



	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.072.348.000	1.323.870.000
Thù lao Hội đồng Quản trị	264.000.000	264.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.336.348.000</b>	<b>1.587.870.000</b>

**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/20219 đã được kiểm toán.

  
Nguyễn Thị Năm  
Người lập biểu

  
Nguyễn Ngọc Tuấn  
Kế toán trưởng

  
  
Trần Thanh Sơn  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021